TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 488/2019/DS-PT
Ngày 16 - 10 - 2019
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 295/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp thừa kế tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B4 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1690/2019/QĐ- PT ngày 22 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2019/QĐ- PT ngày 16 tháng 8 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2270/2019/QĐ- PT ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Ngọc L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Hoàng Z, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Văn phòng Luật sư P, ấp B1, xã L3, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2015) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng V, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Lý Phùng D, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lý N1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2018) (có mặt).

2/ Bà Lý N1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý N1: Ông Nguyễn Tự B2, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã L4, huyện B3, tỉnh B4 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lý V1, sinh năm 1947; địa chỉ: Số 352, Tổ 15, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có mặt).

2/ Ông Lý H, sinh năm 1951; địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có mặt).

3/ Ông Lý Bình C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 229, đường H, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có đơn xin vắng mặt).

4/ Bà Lý Thị H1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 180, Đại lộ B4, Khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (có mặt).

5/ Bà Lý Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp B5, xã L5, huyện B3, tỉnh B4 (có đơn xin vắng mặt).

6/ Bà Lý Lệ H2, sinh năm 1956 (quốc tịch Hoa Kỳ); địa chỉ: Số 17551, G Beach, CA.92647, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bảo L6, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1250 S. B ST , CA.92804, USA (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/7/2017) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

7/ Bà Lý Ánh T1, sinh năm 1971 (quốc tịch Hoa Kỳ); địa chỉ: Số 4813, B1 Ave, CA.92703, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lý N1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 229, đường H, Kkhu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2016)(có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lý Thị Ngọc L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày*:

Cha là ông Lý X, sinh năm 1925, chết năm 1994; mẹ là bà Vương Thị B6, sinh năm 1927, chết năm 2011. Quá trình sống chung, ông X và bà B6 có sinh được 10 người con, gồm các ông, bà: Lý V1, Lý Phùng D, Lý Lệ H2, Lý Thị Ngọc L, Lý Thị T, Lý N1, Lý Bình C1, Lý Thị H1, Lý H, Lý Ánh T1.

Trong thời gian chung sống, cha mẹ bà L tạo dựng được các tài sản như nhà ở, ruộng đất tại ấp 3, xã An Điền. Đối với ruộng đất tại xã An Điền, cha mẹ bà L đã chia cho các con mỗi người một phần để sử dụng, canh tác nông nghiệp. Sau khi bà B6 chết năm 2011, tài sản để lại chỉ có một căn nhà gắn liền diện tích đất được đo đạc thực tế ngày 28/11/2017, có diện tích 294,7m^2, trong đó diện tích đất thuộc hành lang lộ giới 40m^2, diện tích đất còn lại 254.7m^2; diện tích xây dựng nhà 246.8m^2.

Ngày 17/02/2005, bà Vương Thị B6 có lập một tờ di chúc đối với tài sản là một căn nhà cấp 4, vách tường gạch, nền gạch bông, mái tole giả ngói gắn liền diện tích đất tọa lạc tại số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4, để lại cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 được quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ tài sản nhà đất nói trên và có trách nhiệm thờ cúng, không mua bán, cho tặng hoặc bằng mọi hình thức khác là không hợp pháp, vì đây là tài sản chung của cha mẹ, bà B6không có quyền định đoạt luôn phần tài sản của ông Xchết năm 1994.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu hủy bỏ tờ di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005 và yêu cầu chia thừa kế di sản gồm căn nhà gắn liền diện tích đất do ông Lý X được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/5/1990 với tổng diện tích 246m^2; đo đạc thực tế tổng diện tích là 294,7m^2; trong đó, diện tích đất thuộc hành lang lộ giới: 40m^2, diện tích đất còn lại: 254.7m^2 gắn liền một căn nhà có kết cầu xây dựng 03 phần:

- Nhà 01 tầng khung pêtông cốt thép, diện tích xây dựng 199,6m^2;

- Nhà 02 tầng khung sân pêtông cốt thép, mái tole, có trần diện tích xây dựng 52,8m^2;

- Nhà 01 tầng cột gạch, tường xây gạch diện tích 47,2m^2;

- 01 mái che tole nền gạch men với diện tích xây dựng 25m^2.

Bà Lý Thị Ngọc L yêu cầu mở thừa kế theo pháp luật để chia đều cho 10 người con của ông Xvà bà B6, mỗi người một phần di sản bằng nhau. Bà Lyêu cầu được nhận bằng hiện vật nhà gắn liền với đất.

- Bị đơn bà Lý N1 trình bày:

Thống nhất như lời khai của bà Lý Thị Ngọc L về cha mẹ, anh chị em ruột. Về tài sản chung, do ông X và bà B6 tạo dựng gồm một phần ruộng có tổng diện tích 5.900m^2 tọa lạc tại xã An Điền, huyện (nay là thị xã) B, tỉnh B4, được mẹ là bà B6đã phân chia cho 8 người con gồm các ông, bà: Lý V1, Lý H, Lý Lệ H2, Lý Thị Ngọc L, Lý Thị H1, Lý Thị T, Lý N1 và Lý Ánh T1; mỗi người được quyền sử dụng một phần đất ruộng và đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Riêng căn nhà gắn liền diện tích đất tọa lạc tại số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4, bà B6 có lập một tờ di chúc để lại cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 quản lý, sử dụng và làm nơi thờ cúng ông bà.

Do vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, bà N1không chấp nhận hủy bỏ tờ di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005 được Chủ tịch UBND thị trấn M chứng thực. Trường hợp Tòa án mở thừa kế chia tài sản chung của ông X và bà B6 theo pháp luật thì kỷ phần thừa kế bà N1được nhận, bà N1 tự nguyện để lại cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 toàn quyền sử dụng và định đoạt, kể cả tài sản là một căn nhà một tầng cột gạch, tường xây gạch diện tích 47,2m^2 và một mái che tole nền gạch men có diện tích xây dựng 25m^2 do bà N1 tự bỏ tiền ra sửa chữa lại hoàn toàn mới vào năm 2015 để ở như hiện nay.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lý Phùng D:

Bà Lý N1 làm đại diện khẳng định lời trình bày của bà D như lời trình bày của bà N1, không có ý kiến khác.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lý V1, bà Lý Thị H1, bà Lý Lệ H2 thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc L.

Ông Lý H, bà Lý Thị T thống nhất như lời trình bày của bà Lý N1; trường hợp Tòa án mở thừa kế theo pháp luật đối với tài sản chung của ông X và bà B6 chết để lại, ông H và bà T yêu cầu được nhận một kỷ phần thừa kế và yêu cầu được nhận bằng tiền.

Ông Lý Bình C1 thống nhất như lời trình bày của bà Lý N1.

Bà Lý N1 đại diện theo ủy quyền của bà Lý Ánh T1 tự nguyện để lại kỷ phần thừa kế của mình cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Ngày 25/10/2017, Tòa án tiến hành lập biên bản định giá tài sản do ông Xvà bà B6chết để lại như sau:

Diện tích đất thổ cư: 208,46m^2 x 25.000.000đ/m^2 thành tiền: 5.211.500.000 đồng;

Diện tích đất nông nghiệp (trồng cây lâu năm): 46,24m^2 x 18.000.000đ/m^2 thành tiền: 832.320.000 đồng;

Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, xây dựng năm 2002, giá trị còn lại 63%; có diện tích: 199,6m^2 x 3.500.000đ x 63% thành tiền: 440.118.000 đồng;

Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, xây dựng năm 2002, giá trị còn lại 70%; có diện tích: 52,8m^2 x 4.420.000đ x 70% thành tiền: 163.363.000 đồng;

Nhà một tầng cột gạch, tường xây gạch không có trần, mái tole, xây dựng năm 2015, giá trị còn lại 90%; có diện tích: 47,2m^2 x 2.350.000đ/m^2 x 90% thành tiền: 99.828.000 đồng;

Một mái che tôn nền gạch men có diện tích: 25m^2 x 490.000đ/m^2 thành tiền: 12.250.000 đồng.

Tổng cộng thành tiền: 6.759.379.200 (sáu tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B4 đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp thừa kế tài sản chung theo pháp luật của bà Lý Thị Ngọc L đối với bà Lý N1 và bà Lý Phùng D.

2/ Không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ toàn bộ di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005.

Xử:

I. Mở thừa kế phần chia di sản là tài sản chung theo pháp luật là quyền sử dụng đất do ông Lý X chết để lại:

½ diện tích đất thổ cư (104,23m^2) và ½ diện tích đất nông nghiệp (23,3m^2), trị giá thành tiền là 3.021.910.000đ : 11 người = 274.719.090 đồng.

Ông Lý V1, bà Lý Lệ H2, bà Lý Thị Ngọc L, bà Lý Thị T, bà Lý Thị H1, ông Lý H, bà Lý Phùng D, ông Lý Bình C1, bà Lý N1, bà Lý Ánh T1 và bà Vương Thị B6, mỗi người được sở hữu tài sản bằng tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

II. Mở thừa kế phần chia di sản theo di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005, bao gồm:

½ diện tích đất thổ cư (104,23m^2) và một phân nữa diện tích đất nông nghiệp (23,3m^2), trị giá thành tiền là 3.021.910.000 đồng;

Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, xây dựng năm 2002, giá trị còn lại 63%; có diện tích: 199,6m^2 x 3.500.000đ x 63% thành tiền là 440.118.000 đồng;

Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, xây dựng năm 2002, giá trị còn lại 70%; có diện tích: 52,8m^2 x 4.420.000đ x 70% thành tiền là 163.363.000 đồng và một kỷ phần thừa kế tài sản của ông Xtrị giá là 274.719.090 đồng; tổng cộng được trị giá thành tiền là 3.900.110.290 (ba tỷ chín trăm triệu một trăm mười nghìn hai trăm chín mươi) đồng được chia cho ông Lý Bình C1 và bà Lý Phùng D được đồng sở hữu theo di chúc; được nhận kỷ phần thừa kế của bà Lý N1, bà Lý Ánh T1 tự nguyện cho và giá trị tài sản căn nhà do bà Lý N1 xây dựng.

III. Giao bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 được quyền quản lý và sử dụng diện tích 294,7m^2, tọa lạc tại số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4, trong đó diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 40m^2 và sở hữu tài sản gồm có:

Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, xây dựng năm 2002, có diện tích là 199,6m^2;

Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, xây dựng năm 2002, có diện tích là 52,8m^2;

Nhà một tầng, cột gạch, tường xây gạch không có trần, mái tole, xây dựng năm 2015, có diện tích là 47,2m^2;

Một mái che tole nền gạch men có diện tích là 25m^2.

Bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà đất nói trên.

Bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 có trách nhiệm thối trả cho các thừa kế khác cụ thể như sau:

1. Bà Lý Thị Ngọc L số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

2. Ông Lý H số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

3. Ông Lý V1 số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

4. Bà Lý Lệ H2 số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

5. Bà Lý Thị H1 số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

6. Bà Lý Thị T số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lệ phí ủy thác tư pháp, chi phí đo đạc, định giá, chi phí dịch thuật việc ủy thác tư pháp, trách nhiệm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/10/2018, bà Lý Thị Ngọc L là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án vì án sơ thẩm vì có vi phạm tố tụng và nội dung khi xác định căn nhà tháo dỡ và xây dựng mới là tài sản riêng của bà Vương Thị B6, tiền xây dựng là của bà Lý Lệ H2 và Lý Ánh T1 gửi về xây cất, các người con còn lại đóng góp công sức để sửa chữa; xác định phần nhà có diện tích 47,2 m^2 và một mái che có diện tích 25 m^2 là tài sản riêng của bà N1; không xác minh thu thập bản chính Tờ di chúc tại Ủy ban nhân dân phường M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thị Hoàng Z là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn kháng cáo cho rằng có vi phạm thủ tục tố tụng. Bị đơn, nguyên đơn đều xác định tiền của bà T1từ nước ngoài gửi về để sửa chữa nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ số tiền và xác định nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đóng góp không. Nội dung di chúc lập tại UBND xã M, các bên có tranh chấp di chúc này nhưng không đưa UBND xã M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị đơn xác định cụ Bay không biết đọc, có chữ ký và lăn tay của cụ Bay nhưng không có người làm chứng. Thời điểm lập di chúc, cụ Bay đã 78 tuổi nhưng chưa có chứng cứ chứng minh cụ Bay minh mẫn. Bị đơn không biết tờ di chúc lập năm 2004. Nội dung di chúc năm 2005, chứng thực và xác nhận của Ủy ban có cạo sửa thời gian, chữ ký của ai trong tờ chứng thức chưa làm rõ. Thẩm quyền chứng thực di chúc phải là Phó chủ tịch phụ trách tư pháp và phải đăng ký mẫu chữ ký tại sở tư pháp trước khi chứng thực. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Việc đưa UBND xã M

vào tham gia tố tụng là do Tòa án xác định, chứ không phụ thuộc vào việc nguyên đơn rút yêu cầu không đưa UBND xã M vào tham gia tố tụng. Di chúc nhiều bản phải đánh số trang nhưng không thực hiện đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bà L hợp lệ về hình thức. Nhà và đất số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 ông X chết không để lại di chúc. Bà B6 và các con tiếp tục quản lý. Bà T1 gửi tiền về cho bà B6 sửa chữa nhà khi bà B6 còn sống. Nhà tháo dỡ hoàn toàn để xây dựng mới từ năm 2002. Tài sản trên đất xây dựng năm 2002 là tài sản riêng của bà B6. Ngày 17/02/2005 bà B6 tự nguyện lập di chúc, có UBND xã M xác nhận sau đó còn cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/2007 bà Vương Thị B6 được quyền sử dụng 288m^2. Cấp sơ thẩm xác định đất là tài sản chung của vợ chồng. Tòa phúc thẩm đã xem xét bản di chúc gốc các đương sự xuất trình ngay tại phiên tòa phúc thẩm. Án sơ thẩm chia ½ giá trị quyền sử dụng đất của ông X cho các thừa kế do ông X chết không có di chúc là có căn cứ. Di chúc của bà B6 hợp pháp đúng pháp luật. Án sơ thẩm giải quyết đúng pháp luật. Bà L kháng cáo và luật sư của bà L đề nghị hủy án sơ thẩm nhưng không đưa ra chứng cứ mới. Luật sư trình bày có di chúc năm 2004 trước di chúc ngày 17/02/2005 nên không phát sinh tình tiết mới. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 tự nguyện chia tiền xây dựng cho các đồng thừa kế khác nhưng chỉ là ý kiến riêng của bà N1, sự tự nguyện của bà N1phải xem xét vì ảnh hưởng đến quyền lợi của những người khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc L là nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Lý X, sinh năm 1925, chết năm 1994, bà Vương Thị B6, sinh năm 1927, chết năm 2011. Trong quá trình chung sống ông X, bà B6 có 10 con chung gồm:

1. Ông Lý V1, sinh năm 1947;

2. Ông Lý H, sinh năm 1951;

3. Bà Lý Phùng D, sinh năm 1954;

4. Bà Lý Lệ H2, sinh năm 1956;

5. Bà Lý Thị Ngọc L, sinh năm 1958;

6. Bà Lý Thị H1, sinh năm 1960;

7. Bà Lý Thị T, sinh năm 1963;

8. Bà Lý N1, sinh năm 1967;

9.Ông Lý Bình C1, sinh năm 1969;

10. Bà Lý Ánh T1, sinh năm 1971.

[2.2] Ông Lý X, bà Vương Thị B6 có khối tài sản nhà và đất tọa lạc số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, B4.

Ông Lý X được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/5/1990 đối với phần đất tọa lạc tại số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4. Đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 294,7 m^2, trong đó diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 40m^2 (trong đó có 25m^2 mái che tole, 2,8m^2 đất xây dựng nhà), diện tích đất còn lại là 254,7m^2 (trong đó có 246.8m^2 đất xây dựng nhà). Trên đất gồm có:

Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, xây dựng năm 2002, có diện tích: 199,6m^2.

Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, xây dựng năm 2002, có diện tích: 52,8m^2.

Nhà một tầng, cột gạch, tường xây gạch không có trần, mái tole, xây dựng năm 2015, có diện tích: 47,2m^2.

Một mái che tole nền gạch men có diện tích: 25m^2.

[2.3] Ngày 04/3/1994, ông Lý X chết không để lại di chúc, tài sản nhà đất nói trên do mẹ bà Vương Thị B6 và các con tiếp tục quản lý sử dụng.

[2.4] Năm 2002, bà B6 và các con của bà B6 (bà Lý Ánh T1 ở nước ngoài gởi tiền về cho gia đình) sửa chữa mới lại toàn bộ ngôi nhà gồm: Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, có diện tích 199,6m^2. Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, có diện tích 52,8m^2. Ngôi nhà cấp 4 trước đây do ông X và bà B6 xây dựng đã được bà B6 và các con của bà B6 thảo dỡ bỏ toàn bộ từ năm 2002 và xây dựng lại hoàn toàn mới như hiện nay.

Bà Lý Ánh T1 cũng không có tranh chấp, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết số tiền gửi về để sửa chữa lại nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà có 02 phần được xây dựng mới năm 2002 thuộc quyền sở hữu riêng của bà B6 là có căn cứ.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 294,7m^2 (diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 20m^2, đất thổ cư (đất ở) 208,46m^2; đất nông nghiệp (phi nông nghiệp) 46,24m^2 là tài sản chung của vợ chồng ông X và bà B6 chưa phân chia là có căn cứ. Ông X và bà B6 mỗi người được quyền sử dụng ½ giá trị quyền sử dụng đất, trị giá: 6.043.820.000 đồng : 2 = 3.021.910.000 đồng.

[2.6] Ông Lý X chết để lại không có lập di chúc, phần tài sản của ông X được chia cho 10 người con và bà B6. Mỗi người được hưởng trị giá thành tiền là 3.021.910.000 đồng : 11 người = 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

[2.7] Ngày 17/02/2005, bà Vương Thị B6 tự nguyện lập một tờ di chúc để lại tài sản gồm nhà và đất tọa lạc tại số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 cho ông Lý Bình C1 và bà Lý Phùng D được quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ tài sản nhà đất nói trên và có trách nhiệm thờ cúng, không mua bán, cho tặng hoặc dùng mọi hình thức khác; tờ di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn M chứng thực ngày 17/02/2005.

Về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên ông Lý X sang tên bà Vương Thị B6, được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/2007 bà Vương Thị B6 được quyền sử dụng 288m^2. Trong đó có 28m^2 hành lang bảo vệ đường bộ tọa lạc tại số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 là không thuộc trường hợp quyền sử dụng đất riêng của bà Vương Thị B6.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tờ di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005 có giá trị pháp lý một phần tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tọa lạc tại số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 là có căn cứ. Những người được hưởng thừa kế theo di chúc do bà Vương Thị B6 để lại gồm có: Bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 và được nhận kỷ phần thừa kế của bà Lý N1 và bà Lý Ánh T1 trị giá 549.438.180 đồng và giá trị căn nhà do bà Lý N1 xây mới vào năm 2015 trị giá 112.078.000 đồng.

Bị đơn bà Lý N1 và bà Lý Ánh T1 do bà Lý N1 đại diện đã tự nguyện để kỷ phần thừa kế tài sản chung của ông X cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 toàn quyền định đoạt và sở hữu được Tòa án ghi nhận. Đối với phần căn nhà có có diện tích 47,2m^2 và một mái che tole nền gạch men có diện tích 25m^2 do bà Lý N1 tự bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2015 là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của bà Lý N1. Bà Lý N1 tự nguyện để lại cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 trọn quyền sở hữu và không yêu cầu bồi hoàn giá trị nên được Tòa án ghi nhận.

[2.8] Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 được quyền quản lý và sử dụng nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 229, đường H, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4 có trị giá bằng tiền là 6.579.379.200 (sáu tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm) đồng và có trách nhiêm liên đới trả cho các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần tương ứng được hưởng bằng tiền gồm có các ông, bà: Lý V1, Lý Lệ H2, Lý Thị Ngọc L, Lý Thị T, Lý Thị H1 và Lý H, mỗi người được hưởng tài sản chung được trị giá bằng tiền là 274.719.090đ là đúng pháp luật.

[2.9] Các nội dung khác của án sơ thẩm đã giải quyết đúng nên giữ nguyên như lệ phí ủy thác tư pháp,chi phí đo đạc, định giá, chi phí dịch thuật, việc ủy thác tư pháp,án phí dân sự sơ thẩm. Bổ sung biên lai hoàn lại lệ phí ủy thác tư pháp cho đầy đủ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1, Điều 227, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a, Tiểu mục 2.4, Mục 1, Phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ các Điều 27, 31 và 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 623, 624, 651, 659 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bác kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B4, bổ sung biên lai hoàn lại lệ phí ủy thác tư pháp.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp thừa kế tài sản chung theo pháp luật của bà Lý Thị Ngọc L.

2/ Không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ toàn bộ di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005.

Xử:

I. Chia di sản là tài sản chung theo pháp luật là quyền sử dụng đất do ông Lý X chết để lại:

½ diện tích đất thổ cư (104,23m^2) và ½ diện tích đất nông nghiệp (23,3m^2), trị giá thành tiền là 3.021.910.000đ : 11 người = 274.719.090 đồng.

Ông Lý V1, bà Lý Lệ H2, bà Lý Thị Ngọc L, bà Lý Thị T, bà Lý Thị H1, ông Lý H, bà Lý Phùng D, ông Lý Bình C1, bà Lý N1, bà Lý Ánh T1 và bà Vương Thị B6, mỗi người được sở hữu tài sản bằng tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

II. Chia di sản theo di chúc do bà Vương Thị B6 lập ngày 17/02/2005, bao gồm:

½ diện tích đất thổ cư (104,23m^2) và ½ diện tích đất nông nghiệp (23,3m^2), trị giá thành tiền là 3.021.910.000 đồng;

Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, xây dựng năm 2002, giá trị còn lại 63%; có diện tích: 199,6m^2 x 3.500.000đ x 63% thành tiền là 440.118.000 đồng;

Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, xây dựng năm 2002, giá trị còn lại 70%; có diện tích: 52,8m^2 x 4.420.000đ x 70% thành tiền là 163.363.000 đồng và một kỷ phần thừa kế tài sản của ông Xtrị giá là 274.719.090 đồng; tổng cộng được trị giá thành tiền là 3.900.110.290 (ba tỷ chín trăm triệu một trăm mười nghìn hai trăm chín mươi) đồng được chia cho ông Lý Bình C1 và bà Lý Phùng D được đồng sở hữu theo di chúc; được nhận kỷ phần thừa kế của bà Lý N1, bà Lý Ánh T1 tự nguyện cho và giá trị tài sản căn nhà do bà Lý N1 xây dựng.

III. Giao bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 được quyền quản lý và sử dụng diện tích 294,7m^2, tọa lạc tại số 229, đường H, Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B4, trong đó diện tích đất thuộc hành lang lộ giới là 40m^2 và sở hữu tài sản gồm có:

Nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, mái tole, tường xây gạch có trần, xây dựng năm 2002, có diện tích là 199,6m^2;

Nhà hai tầng khung sàn bê tông cốt thép, mái tole có trần, xây dựng năm 2002, có diện tích là 52,8m^2;

Nhà một tầng, cột gạch, tường xây gạch không có trần, mái tole, xây dựng năm 2015, có diện tích là 47,2m^2;

Một mái che tole nền gạch men có diện tích là 25m^2.

Bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà đất nói trên.

Bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 có trách nhiệm trả cho các thừa kế khác cụ thể như sau:

1. Bà Lý Thị Ngọc L số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

2. Ông Lý H số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

3. Ông Lý V1 số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

4. Bà Lý Lệ H2 số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

5. Bà Lý Thị H1 số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

6. Bà Lý Thị T số tiền là 274.719.090 (hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

IV. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Trả lại cho bà Lý Thị Ngọc L 150.000 đồng lệ phí tạm ứng ủy thác tư pháp số 0000477 ngày 16/9/2015; 150.000 đồng lệ phí tạm ứng ủy thác tư pháp số 0000478 ngày 16/9/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B4; 200.000 đồng lệ phí tạm ứng ủy thác tư pháp số 0025639 ngày 04/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B4; 3.000.000 đồng lệ phí tạm ứng ủy thác tư pháp số 0002559 ngày 04/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B4 và 200.000 đồng lệ phí tạm ứng ủy thác tư pháp số 0025640 ngày 04/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B4.

V. Về chi phí đo đạc, định giá, chi phí dịch thuật việc ủy thác tư pháp: Bà Lý Thị Ngọc L phải chịu số tiền 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

Ông Lý V1, bà Lý Lệ H2, bà Lý Thị T, bà Lý Thị H1, ông Lý H, mỗi người phải chịu 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng để trả lại cho bà Lý Thị Ngọc L. Bà Lý Phùng D và ông Lý Bình C1 liên đới trả lại cho bà Lý Thị Ngọc L số tiền 2.960.000 (hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền chi phí đo đạc, định giá.

VI. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Ngọc L phải chịu số tiền 13.735.954 (mười ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002640 ngày 16/7/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B4 số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Bà Lý Thị Ngọc L còn phải chịu số tiền 1.735.954 (một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng.

Ông Lý V1, bà Lý Lệ H2, bà Lý Thị H1, ông Lý H, bà Lý Thị T mỗi người phải chịu 13.735.954 (mười ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng.

Bà Lý Phùng D, ông Lý Bình C1 liên đới phải chịu số tiền 112.395.505đ (một trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm lẻ năm) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Đương sự(6);
- Lưu VP(3), HS(1), 18b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương